

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2021/DS-PT

Ngày: 14 - 7 - 2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Thắm.

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Công Phương.

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Phạm Tổ Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2020/TBTL-DS ngày 13 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2020/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 162/2021/QĐXXPT-DS ngày 02 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị S, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Xuân Đ, sinh năm 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn M, sinh năm 1969 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Phạm Thị S, trình bày:*

Năm 2019, vợ chồng bà Phạm Thị Xuân Đ, ông Lê Văn M đề nghị bà cho vay tiền để đáo hạn ngân hàng vì tin tưởng nên bà đồng ý cho vay hai lần với hình thức vay có thời hạn, lãi suất thỏa thuận 4%/ngày, cụ thể từng lần vay:

- Ngày 25/9/2019 ả vay 500.000.000 đồng.
- Ngày 12/10/2019 ả vay 200.000.000 đồng.

Trong thời gian vay, bà Phạm Thị Xuân Đ trả tiền lãi nhiều lần, tổng cộng 56.000.000 đồng, chưa trả tiền gốc.

Bà xác định hiện vợ chồng bà Đ ông M còn nợ bà số tiền gốc 700.000.000 đồng, yêu cầu vợ chồng bà Đ, ông M cùng có trách nhiệm trả số tiền vay gốc này, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi trả nợ xong.

*Bị đơn Phạm Thị Xuân Đ, trình bày:*

Năm 2019, bà có vay tiền bà Phạm Thị S 02 lần, mục đích để cho ông Đặng Văn K vay lại, vay có thời hạn, lãi suất thỏa thuận 4%/ngày (cứ vay 100.000.000 đồng thì trả 400.000đ/ngày), cụ thể các lần vay:

- Ngày 25/9/2019 ả vay 500.000.000 đồng.
- Ngày 12/10/2019 ả vay 200.000.000 đồng.

Trong thời gian vay, bà trả tiền lãi nhiều lần, tổng cộng 56.000.000 đồng, chưa trả tiền gốc.

Việc vay tiền, trả lãi được theo dõi trong sổ của bà Phạm Thị S. Bà không có theo dõi sổ riêng.

Hai giấy nợ ngày 25/9/2019 ả và ngày 12/10/2019 ả do bà viết, chữ ký Phạm Thị Xuân Đ đúng là chữ ký của bà. Chữ ký Lê Văn M trong giấy nợ ngày 25/9/2019 ả là chữ ký của chồng bà.

Bà xác nhận hiện còn nợ tiền vay gốc bà Phạm Thị S 700.000.000 đồng, tiền lãi đã trả được 56.000.000 đồng. Chồng bà không liên quan gì việc vay nợ này, bà sẽ có trách nhiệm trả nợ, khi nào ông Đặng Văn K trả tiền bà thì bà sẽ trả lại cho bà Phạm Thị S.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn M trình bày:*

Ông là chồng bà Phạm Thị Xuân Đ. Vợ ông có vay của bà Phạm Thị S 02 khoản vay 500.000.000 đồng và 200.000.000 đồng, tổng cộng 700.000.000 đồng. Giấy nợ 500.000.000 đồng do vợ Phạm Thị Xuân Đ viết và ký, chữ ký Lê Văn M trong giấy nợ này đúng là chữ ký của ông. Vợ ông vay mượn tiền của bà

Phạm Thị S để làm ăn, đó là giao dịch giữa hai người, không liên quan đến ông nên vợ ông có trách nhiệm trả nợ 700.000.000 đồng cho bà Phạm Thị S.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành H, trình bày:*

Ông là chồng bà Phạm Thị S. Ông thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của bà Phạm Thị S.

*Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2020/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định. Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị S. Buộc bà Phạm Thị Xuân Đ, ông Lê Văn M có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị S và ông Nguyễn Thành H số tiền vay gốc còn nợ là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi 146.027.397 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng), tổng cộng số tiền phải trả là 846.027.397 đồng (Tám trăm bốn mươi sáu triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 29/4/2021 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M, kháng cáo không chấp nhận cùng vợ là bà Phạm Thị Xuân Đ liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng bà Phạm Thị S và ông Nguyễn Thành H.

Tại phiên Tòa phúc thẩm nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M giữ nguyên kháng cáo với nội dung như trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị HĐXX chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông M, sửa Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Xét nội dung kháng cáo của ông Lê Văn M, thấy rằng:

[1.1] Giữa bà Phạm Thị S và bà Phạm Thị Xuân Đ có giao kết hợp đồng vay tài sản, số tiền hai bên khai thống nhất là 700.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 4%/ngày. Sau khi vay bà Đ chỉ trả tiền lãi 56.000.000 đồng, chưa trả tiền gốc nên bà S khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Đ ông M phải trả tiền gốc 700.000.000 đồng cho bà S.

[1.2] Xét thấy hợp đồng vay tài sản giữa bà S với bà Đ phù hợp với quy định tại các Điều 463 và Điều 470 của Bộ Luật Dân sự. Việc bà S yêu cầu vợ chồng bà Đ ông M phải trả nợ là phù hợp với Điều 465 của Bộ Luật Dân sự. Tuy nhiên, vợ chồng bà Đ và ông M cho rằng việc vay mượn tiền là giao dịch giữa bà S với bà Đ nên bà Đ có trách nhiệm trả nợ cho bà S, ông M không liên quan đến việc vay mượn tiền giữa bà S với bà Đ. Qua xem xét chứng cứ là 02 giấy nợ ngày 25/9/2019 và ngày 12/10/2019 bà Phạm Thị S cung cấp, nội dung chữ viết, chữ ký là của bà Đ. Ông Lê Văn M thừa nhận chữ ký Lê Văn M trong giấy mượn tiền ngày 25/9/2019 là đúng là chữ ký của ông, giấy mượn tiền ngày 12/10/2019 là chỉ có mình chữ ký của bà Đ. Như vậy, số tiền vay 200.000.000 đồng tại giấy mượn tiền ngày 12/10/2019 là ông M không biết. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình ông M có trách nhiệm liên đới cùng bà Đ trả số tiền vay 500.000.000 đồng cho vợ chồng bà S ông H; căn cứ khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và Gia đình bà Đ phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà S ông H số tiền 200.000.000 đồng.

[2.3] Bà S, bà Đ thống nhất xác định khoản tiền vay gốc là 700.000.000 đồng, vay có thời hạn và thỏa thuận lãi suất 4%/ngày, nên xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn, có lãi suất. Tuy nhiên, lãi suất thỏa thuận 4%/ngày vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự (20%/năm) nên mức lãi vượt không có hiệu lực, tiền lãi được tính lại với mức lãi suất 20%/năm như sau:

- Khoản vay 500.000.000 đồng, từ ngày vay 25/9/2019 là (tức ngày 23/10/2019 DL) đến ngày xét xử sơ thẩm (09/4/2021) là 531 ngày, lãi theo quy định là 145.479.452 đồng.

- Khoản vay 200.000.000 đồng, từ ngày vay 12/10/2019 là (tức ngày 08/11/2019 DL) đến ngày xét xử sơ thẩm (09/4/2021) là 516 ngày, lãi theo quy định là 56.547.945 đồng.

Đối với tiền lãi bà S và bà Đ khai thống nhất bà Đ đã trả cho bà S đến ngày 24/10/2019 là (20/11/2019 DL) là 56.000.000 đồng (cứ vay 100.000.000đ thì trả 400.000đ/ngày), kể từ ngày 21/11/2019 đến nay bà Đ không trả tiền lãi nữa. Như vậy, số tiền lãi bà Đ đã trả cho số tiền vay 500.000.000 đồng từ ngày 25/9/2019 là (tức ngày 23/10/2019) đến ngày 20/11/2019 là 28 ngày x 2.000.000 đồng/ngày = 56.000.000 đồng.

Như vậy, đối với khoản vay 500.000.000 đồng, tiền lãi bà Đ ông M còn phải trả là 145.479.452 đồng – 56.000.000 đồng = 89.479.452 đồng.

[2.4] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy án sơ thẩm buộc vợ chồng bà Đ ông M phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay với tổng số tiền gốc 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) và tiền lãi 146.027.397 đồng (Một trăm bốn mươi sáu triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng), tổng cộng số tiền phải trả là 846.027.397 đồng

(Tám trăm bốn mươi sáu triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng) cho vợ chồng bà S ông H là không phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Lê Văn M, sửa Bản án sơ thẩm, buộc vợ chồng bà Đ ông M phải có trách nhiệm liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay số tiền gốc 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi 89.479.452 đồng cho vợ chồng bà S ông H; buộc bà Đ phải có trách nhiệm trả cho vợ chồng bà S ông H số tiền gốc 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi 56.547.945 đồng.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, ông Lê Văn M không phải chịu.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Lê Văn M, sửa Bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Tòa.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27, Điều 37, khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Xuân M.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2021/DS-ST ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị S. Buộc bà Phạm Thị Xuân Đ, ông Lê Văn M có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị S và ông Nguyễn Thành H số tiền vay gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi 89.479.452 đồng (Tám mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng), tổng cộng: 589.479.452 đồng (Năm trăm tám mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng). Buộc bà Phạm Thị Xuân Đ phải trả cho bà Phạm Thị S và ông Nguyễn Thành H số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) và tiền lãi

56.547.945 đồng (Năm mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng), tổng cộng: 256.547.945 đồng (Hai trăm năm mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng bà Phạm Thị Xuân Đ, ông Lê Văn M phải chịu 27.579.000 đồng (Hai mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng). Bà Phạm Thị Xuân Đ phải chịu 12.827.000 đồng (Mười hai triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Hoàn trả 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) tiền tạm ứng án phí cho bà Phạm Thị S theo biên lai thu tiền số 0001544 ngày 02/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn M không phải chịu. Hoàn trả cho ông Lê Văn M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004802 ngày 29/4/2021 của Chi cục Thi hành án thị xã An Nhơn.

#### 6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã A;
- CCTHADS thị xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

**Đỗ Thị Thắm**